Học đánh vần tiếng Anh

# Quy ước

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhóm | Kí hiệu | Ý nghĩa |
| Chung | => | Trở thành  **Ví dụ:** Qui tắc “k đứng trước n thì k câm” được biểu diễn thành:  kn => /k câm/ |
| {num}  {from, to} | Số lượng.  **Ví dụ:**  a-{2} là “a đi trước 2 phụ âm“  a-{2, 4} là “a đi trước 2 đến 4 phụ âm“  a-{2,} là “a đi trước ít nhất 2 phụ âm“  a-{,4} là “a đi trước không quá 4 phụ âm“ |
| [] | Không bắt buộc có  **Ví dụ:** a[e] là “a có thể đi trước e, nhưng không bắt buộc” |
| () | Nhóm bắt buộc có  **Ví dụ:** a(-) là “a phải đi trước 1 phụ âm”  Lưu ý:   * a(-) tương đương với a-. * Ta cần kí hiệu này chủ yếu khi diễn đạt nhiều lựa chọn bắt buộc như -(er|ar|ir). |
| /xxx/ | Phiên âm thành xxx  **Ví dụ:** Qui tắc “tech được phiên âm thành /tek/” được biểu diễn thành:  tech => /tek/ |
| ->X | X đứng ở cuối từ  **Ví dụ:** Qui tắc “scle ở cuối từ được phiên âm thành /sl/” được biểu diễn thành:  ->scle => /sl/ |
| X-> | X đứng ở đầu từ  **Ví dụ:** Qui tắc “wr đứng ở đầu từ được phiên âm thành /r/” được biểu diễn thành:  wr-> => /r/ |
| | | Hay (đưa ra nhiều lựa chọn)  **Ví dụ:** -(er|or|ir) là “1 phụ âm bất kì đứng trước er, or hay ir” |
| Âm tiết | S | Syllable = Âm tiết  **Ví dụ:** S{1}, S{2}, S{n} là từ 1, 2, n âm tiết |
| Sx | Âm tiết thứ x (chú ý chiều đánh số khi có nhiều âm tiết)  **Ví dụ:** S1S2 là âm tiết thứ 1 và 2 của 1 từ nào đó (đánh số theo thứ tự từ trái sang phải) |
| Dấu nhấn | X | X được hay không được nhấn trọng âm |
| X | X được nhấn trọng âm (chính hay phụ đều được) |
| X | X không được nhấn trọng âm |
| ‘X | X được nhấn trọng âm chính |
| ,X | X được nhấn trọng âm phụ |
| Chữ cái | ? | 1 chữ cái bất kì (nguyên âm hay phụ âm gì cũng được) |
| Phụ âm | - | 1 phụ âm bất kì |
| r | Phụ âm R |
| C | Phụ âm khác R |
| Nguyên âm | ~ | 1 nguyên âm bất kì trong A, E, I, O, U |
| i | Nguyên âm I |
| V | Nguyên âm khác I (tức là A, E, O, hay U) |
| Khác | (#) | Các trường hợp khác |
| (#X) | Các trường hợp khác của X  **Ví dụ:** d(#~) là “d đi trước 1 nguyên âm khác” |

**Ví dụ tổng hợp:** Quy tắc phiên âm của phụ âm c như sau:

* Nếu theo sau c là ia, ie hay io thì c sẽ được đọc thành /ʃ/.
* Nếu theo sau c là e, i hay y thì c sẽ được đọc thành /s/.
* Ngoài ra, c sẽ được đọc thành /k/.

Các quy tắc đó sẽ được lần lượt biễu diễn thành:

* c(ia|ie|io) => /ʃ/
* c(e|i|y) => /s/
* (#c) => /k/